

Bản án số: 26/2020/HNGĐ - PT
Ngày 18 tháng 9 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền.
Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành;
Ông Nguyễn Hà Giang.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P: Bà Nguyễn Thị Long Hà -
Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992 (có mặt)

ĐKHKTT: Khu L (Khu 15 cũ), xã H, thị xã P, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Khu 5, xã A, huyện P, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Bùi Mạnh C, sinh năm 1983 (có mặt)

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu L (Khu 15 cũ), xã H, thị xã P, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Mạnh C ngày 14/3/2016 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh C tại khu L (khu 15 cũ), xã H, thị xã P, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, mâu thuẫn giữa mẹ anh C với chị. Đến tháng 01 năm 2020, thì vợ chồng ra ở riêng tại khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P nhưng không làm thủ tục đăng ký tạm trú và chuyển hộ khẩu. Từ khi ra ở riêng, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái, trong các vấn đề về kinh tế. Anh C đã nhiều lần chửi bới, đe dọa cả thể xác và tinh thần của chị. Có lần anh

C đã đánh chị trước mặt mẹ anh và người giúp việc. Ngày 13/5/2020, hai bên gia đình đã hòa giải và quyết định cho 02 vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Mạnh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Sơn Hải T - sinh ngày 05/11/2016 và Bùi Trọng H - sinh ngày 16/12/2018. Hiện nay 02 con chung đang ở với anh C và bố mẹ anh C tại khu L, xã H, thị xã P, tỉnh P. Chị đã đến đón con chung là Bùi Trọng H nhiều lần nhưng bố, mẹ anh C và anh C không cho đón. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con chung là Bùi Trọng H và để anh C trực tiếp nuôi con chung là Bùi Sơn Hải T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công sức: Không có.

Bị đơn anh Bùi Mạnh C trình bày: Anh kết hôn với chị H ngày 14/3/2016 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống cùng với gia đình tại khu L (khu 15 cũ), xã H, thị xã P, tỉnh P. Lúc đó, chị H làm hợp đồng, còn anh làm bác sỹ tại Trung tâm y tế huyện P. Do công việc của anh, anh phải đi trực suốt ngày và không biết giữa bố mẹ anh và chị H có mâu thuẫn gì. Sau đó, đôi ba lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng không có gì to tát. Sau khi đẻ con chung thứ hai là Bùi Trọng H thì chị H về nhà bố mẹ chị H ở khoảng 4, 5 tháng. Sau đó chị H tự về gia đình anh để chung sống, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi xem bói về bảo anh làm lễ hết 40 triệu nhưng anh không làm. Sau đó chị H xuống tận dưới quê anh ở V nói anh không phải con của bố anh trước mặt mọi người. Sau đó xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và hai bên gia đình đã phân tích giải hòa khuyên bảo chị H sai nhưng chị H không nhận, chị H đã xúc phạm chửi bới bố mẹ anh với những lời lẽ xúc phạm. Sau đó chị H và bố mẹ anh xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên đến tháng 11/2019, vợ chồng có mua nhà tại khu 2, xã P, huyện P, tỉnh P để ra ở riêng nhưng chưa làm thủ tục đăng ký tạm trú cũng như chuyển hộ khẩu. Quá trình vợ chồng ở riêng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sau đó 13/5/2020 chị H tự bỏ về nhà bố mẹ chị H ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh mong muốn chị H quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Anh sẽ cố gắng khắc phục những mâu thuẫn đã xảy ra của hai vợ chồng để cải thiện cuộc sống.

Về con chung: Như chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung là đúng. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung vì sau 03 tháng chị H có lên thăm con chung được 03 lần, sau đó anh đã gọi điện cho chị H 10 lần nhưng chị H bảo bận đi chơi, không có thời gian lên thăm con, cũng đã gửi tin nhắn cho anh và anh đã gửi cho Tòa án. Cũng như thỏa thuận ngày 09/6/2020, anh đã phô tô và giao lại cho Tòa án. Hiện nay 02 con đang ở với anh và bố mẹ anh.

- Về tài sản chung, công nợ: Nhất trí như chị H trình bày.
- Về công sức: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Bùi Mạnh C.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Trọng H - sinh ngày 16/12/2018 và giao cho anh Bùi Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Sơn Hải T - sinh ngày 05/11/2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị H và anh Bùi Mạnh C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Kháng cáo: Ngày 12/8/2020 anh Bùi Mạnh C có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm làm rõ nguyên nhân tan vỡ gia đình không đồng ý ly hôn chị H; giải quyết phân chia nuôi dạy con chung sau ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C rút 01 phần yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những ng-ời tiến hành tố tụng và những ng-ời tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Mạnh C; giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo: Anh Bùi Mạnh C đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nguyên nhân làm tan vỡ hạnh phúc gia đình; xem xét giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

[1.1]. Tại phiên tòa anh Bùi Mạnh C rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, đồng ý ly hôn chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.2]. Đối với kháng cáo có nội dung đề nghị xem xét giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung với lý do chị H chưa có nhà ở ổn định, không có thời gian chăm con. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C, chị H đều thống nhất có hai con chung là Bùi Sơn Hải T - sinh ngày 05/11/2016 và Bùi Trọng H - sinh ngày 16/12/2018. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy theo quy định tại Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình cha, mẹ có nghĩa vụ và

quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên nên nguyện vọng được nuôi con của chị H và anh C đều chính đáng. Tuy nhiên khi xem xét, quyết định giao con chung để đảm bảo sự phát triển của các cháu thì thấy rằng: Chị H có công việc, thu nhập ổn định, hiện đang là điều dưỡng tại khoa hồi sức cấp cứu Trung tâm y tế huyện P. Sau khi chị và anh C sống ly thân chị đang ở cùng bố mẹ đẻ. Thời gian chị đi làm thì ông bà ngoại và người giúp việc có thể thay chị chăm sóc cháu Hoàng. Ngoài ra cháu Bùi Trọng H còn rất nhỏ, cần có bàn tay chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, hiện nay cháu Bùi Trọng H mới được 21 tháng 02 ngày tuổi (chưa đầy 2 tuổi) tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "...3. con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con", nên việc giao cháu Hoàng được ở với mẹ sẽ thuận lợi cho việc chăm sóc, gần gũi con, giáo dục cho con sẽ tốt hơn, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ và sự phát triển toàn diện nhất cả về thể chất lẫn tinh thần của cháu H và cháu T. Tòa án cấp sơ thẩm cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trọng H; anh Bùi Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Sơn Hải T là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo đề nghị nuôi cả hai con chung của anh Bùi Mạnh C không có căn cứ chấp nhận.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ - ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P tại phần Quyết định của bản án không tuyên phần về tài sản chung, công nợ, công sức là thiếu sót. Mặc dù, Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công sức: Không có, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên là thiếu sót cần sửa chữa bổ sung tại cấp phúc thẩm nhưng không thay đổi nội dung quyết định của bản án.

Tại phần Quyết định của bản án tại mục 2 về con chung không cần phải dùng từ "giao" và cụm từ "cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động" vì quyết định mỗi người nuôi một cháu là phù hợp quy định pháp luật không cần thiết phải ghi trong Quyết định của bản án.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Mạnh C. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Bùi Mạnh C.

2. Về con chung: Giao chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Bùi Trọng H - sinh ngày 16/12/2018. Giao anh Bùi Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Bùi Sơn Hải T - sinh ngày 05/11/2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đinh Thị H và anh Bùi Mạnh C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Bùi Mạnh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002532 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo , không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND thị xã P;
- THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền